TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 12 năm 2019

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 48, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Lý Hồng An	1	118	7.5	*Bảy rưỡi*	
2	Dương Đức Anh	2	63	7.5	*Bảy rưỡi*	
3	Dương Thủy Anh	3	61	7.5	*Bảy rưỡi*	
4	Nguyễn Quang anh	4	67	7.5	*Bảy rưỡi*	
5	Đặng Vĩnh Bắc	5	116	7.5	*Bảy rưỡi*	
6	Đỗ Hải Bằng	6	83	7.0	*Bảy*	
7	Lê Thanh Bình	7	82	7.0	*Bảy*	
8	Nguyễn Văn Canh	8	22	7.0	*Bảy*	
9	Diệp Kiều Chanh	-	-	-	-	**Không đủ ĐKDT**
10	Trần Thị Tố Chinh	9	120	7.5	*Bảy rưỡi*	
11	Bạch Thị Tuyết Chinh	10	25	7.5	*Bảy rưỡi*	
12	Tạ Văn Chung	11	19	7.0	*Bảy*	
13	Nguyễn Phúc Công	12	26	7.0	*Bảy*	
14	Nguyễn Thị Thu Cúc	-	-	-	-	**Không đủ ĐKDT**
15	Trần Thị Kim Cúc	13	54	7.0	*Bảy*	
16	Trần Thị Dung	-	-	-	-	**Không đủ ĐKDT**
17	Nguyễn Văn Dũng	14	17	7.0	*Bảy*	
18	Nguyễn Thị Đào	15	35	7.0	*Bảy*	
19	Dương Quốc Đông	16	28	8.0	*Tám*	
20	Vũ Thị Hồng Đông	17	73	7.0	*Bảy*	
21	Bùi Anh Đức	18	64	7.5	*Bảy rưỡi*	
22	Trần Long Đức	19	23	7.5	*Bảy rưỡi*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Việt Hà	20	105	7.0	*Bảy*	
24	Dương Thanh Hà	21	66	7.5	*Bảy rưỡi*	
25	Nguyễn Thị Việt Hà	22	109	8.0	*Tám*	
26	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	23	112	7.0	*Bảy*	
27	Trần Thị Kim Hạnh	24	27	7.5	*Bảy rưỡi*	
28	Nguyễn Thị Thu Hằng	25	76	8.0	*Tám*	
29	Lê Thị Thu Hiền	26	21	7.0	*Bảy*	
30	Bùi Thị Hoa	27	37	7.5	*Bảy rưỡi*	
31	Nguyễn Thị Hòa	28	88	7.5	*Bảy rưỡi*	
32	Phạm Xuân Hòa	29	80	7.0	*Bảy*	
33	Đào Thị Hoài	30	12	8.0	*Tám*	
34	Phạm Thị Thúy Hồng	31	92	7.0	*Bảy*	
35	Nguyễn Phúc Huệ	32	119	7.0	*Bảy*	
36	Dương Mạnh Hùng	33	75	7.5	*Bảy rưỡi*	
37	Bá Thị Thu Hưng	34	113	7.5	*Bảy rưỡi*	
38	Nguyễn Văn Hưng	35	91	7.5	*Bảy rưỡi*	
39	Lê Thị Hương	36	87	7.0	*Bảy*	
40	Dương Thị Thu Hương	37	60	7.0	*Bảy*	
41	Lương Ngọc Hướng	38	71	7.0	*Bảy*	
42	Nguyễn Thị Hường	39	70	8.0	*Tám*	
43	Đồng Thanh Hường	40	49	8.0	*Tám*	
44	Trần Thị Hường	41	106	7.0	*Bảy*	
45	Nguyễn Xuân Huy	42	89	7.0	*Bảy*	
46	Hoàng Thị Thu Huyền	43	102	7.0	*Bảy*	
47	Nguyễn Thị Thương Huyền	44	98	7.5	*Bảy rưỡi*	
48	Nguyễn Thành Lam	45	38	6.5	*Sáu rưỡi*	
49	Nguyễn Phương lan	46	32	7.5	*Bảy rưỡi*	
50	Chu Thị Thu Lan	47	07	7.5	*Bảy rưỡi*	
51	Dương Thị Phương Lan	48	56	7.5	*Bảy rưỡi*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Nguyễn Thị Thùy Linh	49	104	7.5	*Bảy rưỡi*	
53	Lý Thúy Loan	50	79	7.0	*Bảy*	
54	Lê Thị Hà Loan	51	68	7.5	*Bảy rưỡi*	
55	Nguyễn Thị Long	52	115	7.5	*Bảy rưỡi*	
56	Nguyễn Văn Lương	53	57	7.5	*Bảy rưỡi*	
57	Đào Thị Mai	54	86	7.0	*Bảy*	
58	Nguyễn Thị Mai	55	50	7.0	*Bảy*	
59	Nguyễn Thị Ngọc Mai	56	77	7.5	*Bảy rưỡi*	
60	Lê Thanh Minh	57	29	7.5	*Bảy rưỡi*	
61	Dương Thị Mùi	58	47	7.0	*Bảy*	
62	Nguyễn Thành Nam	59	13	7.5	*Bảy rưỡi*	
63	Nguyễn Quỳnh Nga	60	110	7.5	*Bảy rưỡi*	
64	Phùng Thị Tuyết Nga	61	45	7.0	*Bảy*	
65	Nguyễn Thanh Ngà	62	46	7.5	*Bảy rưỡi*	
66	Dương Ngọc Nghiêm	63	108	7.5	*Bảy rưỡi*	
67	Nguyễn Tuấn Ngọc	64	15	7.0	*Bảy*	
68	Hoàng Vân Ngọc	65	42	7.5	*Bảy rưỡi*	
69	Nguyễn Thị Nhuần	66	93	7.5	*Bảy rưỡi*	
70	Bùi Thị Quỳnh Nhung	67	101	7.5	*Bảy rưỡi*	
71	Nguyễn Thị Kim Nhung	68	20	8.0	*Tám*	
72	Đỗ Minh Phương	69	33	7.0	*Bảy*	
73	Hoàng Thị Liên phương	70	90	8.0	*Tám*	
74	Nguyễn Duy Phương	71	111	7.5	*Bảy rưỡi*	
75	Nguyễn Xuân Quý	72	14	7.5	*Bảy rưỡi*	
76	Nghiêm Thị Quý	73	53	8.0	*Tám*	
77	Đặng Quang Quỳnh	74	44	7.5	*Bảy rưỡi*	
78	Trần Thị Như Quỳnh	75	51	7.5	*Bảy rưỡi*	
79	Mai Thị Thanh Quỳnh	76	103	7.5	*Bảy rưỡi*	
80	Hà Xuân Sơn	77	96	7.5	*Bảy rưỡi*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
81	Nguyễn Thị Tám	78	34	7.5	*Bảy rưỡi*	
82	Dương Đức Thanh	79	18	7.5	*Bảy rưỡi*	
83	Nguyễn Đăng Thanh	80	36	7.0	*Bảy*	
84	Dương Thị Thanh	81	84	7.5	*Bảy rưỡi*	
85	Nguyễn Thị Thanh	82	97	7.5	*Bảy rưỡi*	
86	Nguyễn Bá Thành	83	81	7.5	*Bảy rưỡi*	
87	Nguyễn Đức Thành	84	39	7.0	*Bảy*	
88	Nguyễn Thị Minh Thiện	85	59	7.5	*Bảy rưỡi*	
89	Vương Thị Kim Thư	86	52	7.5	*Bảy rưỡi*	
90	Tạ Phương Thúy	87	06	7.5	*Bảy rưỡi*	
91	Trần Thị Thủy	88	31	7.5	*Bảy rưỡi*	
92	Triệu Thu Trang	89	72	7.5	*Bảy rưỡi*	
93	Phạm Hồng Trường	-	-	-	-	**Không đủ ĐKDT**
94	Trương Viết Trường	90	99	8.0	*Tám*	
95	Hoàng Ngọc Tú	91	117	7.5	*Bảy rưỡi*	
96	Trịnh Văn Tuấn	92	43	7.0	*Bảy*	
97	Phạm Anh Tuấn	93	55	7.0	*Bảy*	
98	Hoàng Thị Kim Tuyến	94	65	8.0	*Tám*	
99	Lương Trung Tuyến	95	114	7.5	*Bảy rưỡi*	
100	Trần Thị Tuyết	96	62	8.0	*Tám*	
101	Nguyễn Thị Tuyết	97	107	7.0	*Bảy*	
102	Nguyễn Thị Tý	98	78	8.0	*Tám*	
103	Hoàng Thị Vân	99	100	7.5	*Bảy rưỡi*	
104	Nguyễn Thị Vân	100	74	7.5	*Bảy rưỡi*	
105	Lê Quảng Viễn	101	58	7.5	*Bảy rưỡi*	
106	Dương Quang Vinh	102	85	7.5	*Bảy rưỡi*	
107	Nguyễn Hải Yến	103	95	8.0	*Tám*	
108	Nguyễn Hải Yến (A - 1981)	104	69	7.5	*Bảy rưỡi*	
109	Trần Thị Hải Yến (B-1984)	105	11	7.5	*Bảy rưỡi*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
110	Phan Anh	106	48	8.0	*Tám*	
111	Phạm Vũ Hậu	107	30	7.5	*Bảy rưỡi*	
112	Dương Mạnh Lương	108	24	7.5	*Bảy rưỡi*	
113	Đào Văn Chung	109	41	7.0	*Bảy*	
114	Vũ Quốc Đoàn	110	10	7.0	*Bảy*	
115	Nguyễn Hoàng Thanh Hoa	111	08	7.5	*Bảy rưỡi*	**Phần I.1, K11 Võ Nhai**
116	Ứng Trung Kiên	112	09	7.0	*Bảy*	**Phần I.1, K11 Võ Nhai**
117	Lê Thị Minh	113	94	7.5	*Bảy rưỡi*	**Phần I.1, K11 Võ Nhai**
118	Trần Quang Huy	114	16	7.0	*Bảy*	**Phần I.1, K11 Võ Nhai**
119	Đinh Thị Tịnh	115	40	7.5	*Bảy rưỡi*	**Phần I.1, K46KTT**
120	Phan Thị Thùy Linh	116	01	7.0	*Bảy*	**Phần I.1, K46KTT**
121	Nguyễn Thị Sinh	117	02	7.5	*Bảy rưỡi*	**P.IV, K10 Phú Bình**
122	Đặng Thị Thu Trang	118	03	8.0	*Tám*	**P.IV, K10 Phú Bình**
123	Nguyễn Thị Lê	119	04	7.5	*Bảy rưỡi*	**P.IV, K10 Phú Bình**
124	Kiều Thị Thu Trang	120	05	7.5	*Bảy rưỡi*	**P.IV, K10 Phú Bình**
125	Nguyễn Văn Đào	-	-	-	-	**Không đủ ĐKDT**

PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Phúc Ái

KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA

Vũ Mạnh Hà

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

Phạm Minh Chuyên